

*
Số 943 - QĐ/HNDTW

QUY ĐỊNH
Về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật
của Hội Nông dân Việt Nam

- Căn cứ các Điều 17, 18 và 20 Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam về công tác kiểm tra và kỷ luật đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI thông qua,

Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Hội Nông dân Việt Nam, như sau:

Chương I

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 1. Mục đích

Công tác kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện những ưu điểm, nhân tố mới để phát huy; kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn và uốn nắn khắc phục những thiếu sót, vi phạm; kiến nghị, điều chỉnh, bổ sung những bất hợp lý trong chỉ đạo, điều hành. Đảm bảo việc chấp hành nghiêm Điều lệ, các chỉ thị, nghị quyết và các quy định của Hội, nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn đoàn kết nội bộ, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh về tư tưởng, tổ chức và hành động, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân.

Điều 2. Yêu cầu

1. Công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên, được thực hiện ở tất cả các cấp Hội theo Điều lệ và các quy định của Hội.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Hội; bám sát phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân.

3. Công tác kiểm tra, giám sát phải đảm bảo chính xác, khách quan; nếu phát hiện sai phạm phải kiến nghị xử lý kịp thời, đúng quy định.

Điều 3. Nội dung

1. Kiểm tra, giám sát tổ chức Hội, cán bộ, hội viên trong việc chấp hành Điều lệ Hội, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Hội; nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Hội.

Kiểm tra tổ chức Hội, cán bộ, hội viên khi có dấu hiệu vi phạm.

Kiểm tra việc thi hành kỷ luật theo Điều lệ Hội.

2. Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính Hội, thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do Hội quản lý.

- Kiểm tra việc thu nộp, quản lý và sử dụng hội phí, quỹ Hội.

- Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu khác cho các hoạt động của Hội.

3. Tổ chức tiếp và tiếp nhận đơn thư khiếu nại tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cán bộ, hội viên, nông dân. Phối hợp cùng chính quyền và các cơ quan chức năng tham gia hoà giải, giải quyết khiếu nại tố cáo nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của cán bộ, hội viên, nông dân.

Giải quyết và kiểm tra, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và chính quyền cùng cấp tham gia giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Cùng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy; hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, nghiệp vụ hoà giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cán bộ Hội làm công tác kiểm tra.

6. Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể để thực hiện công tác kiểm tra.

Điều 4. Tổ chức bộ máy tham mưu công tác kiểm tra

Ban thường vụ Hội Nông dân cấp nào lập ra ban kiểm tra cấp đó.

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội thành lập Ban Kiểm tra, phân công một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng ban, số lượng biên chế do Ban Thường vụ Trung ương Hội quyết định.

2. Ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh thành lập ban kiểm tra từ 3- 5 người và phân công một đồng chí ủy viên ban thường vụ phụ trách công tác kiểm tra.

3. Ban thường vụ Hội Nông dân cấp huyện thành lập ban kiểm tra từ 3- 5 người, do đồng chí phó chủ tịch hoặc ủy viên ban thường vụ làm trưởng ban; số còn lại là cơ cấu các đồng chí ủy viên ban chấp hành Hội Nông dân huyện, thị kiêm nhiệm.

4. Ban thường vụ Hội Nông dân cơ sở thành lập ban kiểm tra từ 3- 5 người, do đồng chí phó chủ tịch hoặc ủy viên ban thường vụ làm trưởng ban; số còn lại cơ cấu các đồng chí ủy viên ban chấp hành cơ sở kiêm nhiệm.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm tra Hội Nông dân các cấp

1. Nhiệm vụ: Ban kiểm tra Hội Nông dân các cấp có nhiệm vụ tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ cùng cấp xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Hội.

2. Quyền hạn:

- Được yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra báo cáo, cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho nội dung kiểm tra và trả lời những vấn đề mà ban kiểm tra yêu cầu.

- Được kiểm tra, giám sát Hội Nông dân cùng cấp và cấp dưới, cán bộ, hội viên trong việc chấp hành Điều lệ, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Hội.

- Kiến nghị, đề xuất với ban thường vụ cùng cấp về công tác kiểm tra; xử lý vi phạm; khắc phục hạn chế, thiếu sót.

Chương II

THI HÀNH KỶ LUẬT

Điều 6. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Xử lý kỷ luật phải công minh, khách quan, chính xác, kịp thời và dứt điểm từng vụ việc, với mục đích giáo dục, ngăn ngừa vi phạm, giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong nội bộ.

2. Một nội dung vi phạm chỉ bị xử lý kỷ luật một lần bằng một hình thức kỷ luật.

3. Việc áp dụng hình thức kỷ luật tuân theo quy định của Điều lệ Hội và tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

4. Khi thi hành kỷ luật Hội đối với cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên tùy theo mức độ vi phạm, cấp ra quyết định kỷ luật kiến nghị cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên đó xem xét, quyết định kỷ luật theo thẩm quyền.

5. Cán bộ Hội, hội viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức, bị ốm điều trị nội trú tại bệnh viện được cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

6. Sau 12 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật với hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, nếu tập thể, cá nhân không tiếp tục vi phạm Điều lệ Hội đến mức

phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

Điều 7. Đối tượng chịu hình thức kỷ luật theo Điều lệ Hội

- Tổ chức: Các tổ chức trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.
- Cá nhân: Hội viên và cán bộ Hội Nông dân các cấp.

Điều 8. Hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Không chấp hành đúng Điều lệ, Chỉ thị, Nghị quyết của Hội gây hậu quả nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến phong trào nông dân và tổ chức Hội.
2. Vi phạm về đạo đức, tư cách, làm mất niềm tin với cán bộ, hội viên, nông dân, xâm phạm quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân.
3. Vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Hình thức kỷ luật

1. Đối với cá nhân

- a. *Khiển trách*: Đối với những sai phạm không cố ý, mức độ ít nghiêm trọng, qua giáo dục đã nhận ra sai sót và quyết tâm sửa chữa.
- b. *Cảnh cáo*: Đối với những sai phạm gây hậu quả lớn đến phong trào nông dân và tổ chức Hội.
- c. *Cách chức*: Áp dụng đối với cán bộ Hội giữ chức vụ có sai phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động Hội, không còn tín nhiệm đối với tổ chức Hội và hội viên, nông dân.

Đối với cán bộ giữ nhiều chức vụ, tùy theo trường hợp cụ thể có thể cách chức một chức vụ, một số chức vụ hoặc tất cả các chức vụ.

d. *Xoá tên, thu hồi thẻ hội viên*: là hình thức kỷ luật Hội cao nhất đối với hội viên khi mắc phải những sai phạm sau:

- Vi phạm pháp luật Nhà nước bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Sai phạm rất nghiêm trọng trong việc thực hiện Điều lệ và các chỉ thị, nghị quyết của Hội.

2. Đối với tổ chức Hội

- a. *Khiển trách*: đối với những sai phạm nhưng chưa gây hậu quả nghiêm trọng.
- b. *Cảnh cáo*: đối với sai phạm gây hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng xấu đến tổ chức Hội và phong trào nông dân.

c. Giải tán:

- Hoạt động trái với Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của Hội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

- Chống lại chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 10. Thẩm quyền thi hành kỷ luật

1. Đối với cá nhân

a. Hội viên: hội viên sinh hoạt ở cơ sở Hội vi phạm kỷ luật phải được kiểm điểm ở chi hoặc tổ Hội.

- Ban chấp hành cơ sở Hội quyết định hình thức kỷ luật trên cơ sở đề nghị của chi hoặc tổ Hội.

b. Cán bộ Hội:

- Đối với ủy viên ban chấp hành Hội Nông dân các cấp vi phạm kỷ luật: cấp nào ra quyết định công nhận thì cấp đó ra quyết định kỷ luật trên cơ sở đề nghị của ban chấp hành cấp quản lý trực tiếp. Trường hợp cần thiết có thể ủy quyền cho ban chấp hành cấp quản lý trực tiếp ra quyết định và báo cáo lên cấp trên.

- Đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội vi phạm kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét và quyết định hình thức kỷ luật (trừ trường hợp cán bộ Hội là ủy viên ban chấp hành nhiều cấp).

- Đối với cán bộ Hội là ủy viên ban chấp hành nhiều cấp vi phạm kỷ luật ở cấp nào thì việc xem xét, quyết định kỷ luật được tiến hành như đối với ủy viên ban chấp hành ở cấp đó và thông báo đến các ban chấp hành mà cán bộ đó là ủy viên. Nếu bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức ủy viên ban chấp hành ở cấp dưới thì đương nhiên không còn là ủy viên ban chấp hành các cấp trên.

- Đối với cán bộ chuyên trách công tác Hội nhưng không tham gia Ban chấp hành vi phạm kỷ luật, thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đối với tổ chức Hội.

Ban chấp hành, ban thường vụ từ cấp huyện trở xuống vi phạm kỷ luật do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật với hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo.

Đối với hình thức kỷ luật giải tán do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp xem xét và đề nghị ban chấp hành cấp trên một cấp ra quyết định kỷ luật.

Ban Thường vụ Trung ương Hội; ban chấp hành, ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh vi phạm kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định kỷ luật.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho ban chấp hành, ban thường vụ Hội Nông dân các cấp vi phạm kỷ luật: Cấp nào ra quyết định thành lập thì cấp đó xem xét, ra quyết định kỷ luật.

Điều 11. Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Hội

Tổ chức Hội, cán bộ, hội viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong thời hạn một tháng (30 ngày) kể từ ngày nhận quyết định kỷ luật, có quyền khiếu nại lên cấp ra quyết định kỷ luật. Trong trường hợp còn khiếu nại tiếp thì tổ chức Hội cấp trên một cấp có trách nhiệm giải quyết. Cấp giải quyết cuối cùng là Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Điều 12. Điều khoản thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực thực hiện từ ngày ký và thay thế Quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Hội Nông dân Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 315-QĐ/HND ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

2. Các cấp Hội và hội viên Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, những trường hợp chưa được nêu trong Quy định này, thì phải kịp thời báo cáo với Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét cho ý kiến giải quyết.

4. Giao cho Ban Kiểm tra Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật. ↴

Nơi nhận:

- Các đồng chí ủy viên BCH TW Hội
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố
- Các ban, đơn vị TW Hội
- Lưu VP, BKT

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Cường